

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI
VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME
COMMERCIAL JOINT STOCK
BANK

Số/No.: 51002021/CV-TGD5

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2021
Hanoi, day month 07 year 2021

**DISCLOSURE OF INFORMATION ON
THE STATE SECURITIES
COMMISSION'S PORTAL AND
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S
PORTAL**



Kính gửi/ To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức / *Organization name*: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam/ *Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank*
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: MSB
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address*: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ *No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Thuong Ward, Dong Da district, Hanoi, Vietnam*
 - Điện thoại/ *Telephone*: 024-37718989
 - Fax: 024-37718899
 - Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Nguyễn Hoàng Linh
Chức vụ/ *Position*: Tổng Giám đốc/ *Chief Executive Officer*
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu
Information disclosure type: *Periodic* *Irregular* *24 hours* *On demand*

Nội dung thông tin công bố (*)/ *Content of Information disclosure (*)*:

Công bố Báo cáo tình hình quản trị ngân hàng 6 tháng đầu năm 2021/ *Information disclosure on first 6-month management report of MSB*

Đối với trường hợp thay đổi, thay thế thông tin đã công bố, cần nêu rõ nguyên nhân thay đổi hoặc thay thế.

In case the company accurates or replaces information(s) that were disclosed. Company shall make a reason for the replacement or correction.

Lý do/ Reason:

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 26 /07/2021 tại đường dẫn : <https://www.msb.com.vn/nha-dau-tu>

This information was disclosed on Company/Fund's Portal on date 26 / 07 /2021. Available at: <https://www.msb.com.vn/nha-dau-tu>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

*Tài liệu đính kèm/
Attachment:
Báo cáo tình hình
quản trị ngân hàng
6 tháng đầu năm 2021*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Party authorized to disclose information



**TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HOÀNG LINH**



Địa chỉ trụ sở chính: 54A Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Mã số DN: 0200124891
(cấp thay đổi lần 22 ngày 01/4/2020)

Số: **58** /2021/BC-HĐQT

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG
06 tháng đầu năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên Ngân hàng : NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM;
- Địa chỉ Trụ sở chính : Số 54A Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội;
- Điện thoại/Fax : 024.37718989/024.37718899; email: msb.com.vn;
- Vốn điều lệ : 11.750.000.000.000 đồng (Mười một nghìn, Bảy trăm năm mươi tỷ đồng);
- Mã chứng khoán : MSB;
- Mô hình quản trị Ngân hàng : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc;
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện



I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Ngày 23/4/2021, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) đã tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCD) thường niên lần thứ 29 tại trụ sở Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) số 54A Nguyễn Chí Thanh, quận Đống Đa, Hà Nội. Trên cơ sở các báo cáo, tờ trình và qua quá trình thảo luận, ĐHĐCD đã thông qua các nội dung chính sau đây:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------|-----------|---|
| 1 | 29/2021/NQ-ĐHĐCD | 23/4/2021 | Các nội dung được thông qua: <ul style="list-style-type: none">- Thông qua Báo cáo của Hội đồng Quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021 theo nội dung Báo cáo số 24/2021/BC-HĐQT ngày 03/03/2021.- Thông qua Báo cáo của Hội đồng điều hành về hoạt động điều hành ngân hàng năm 2020 và kế hoạch năm 2021 theo nội dung Báo cáo số 1466/2021/BC-TGDĐ ngày 10/03/2021.- Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về hoạt |

| | | |
|--|--|--|
| | | <p>động của Ban kiểm soát theo nội dung Báo cáo số 09/2021/BC-BKS ngày 02/03/2021.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 của MSB đã được kiểm toán. - Thông qua phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo nội dung tờ trình số 21/2021/TT-HĐQT, cụ thể như sau: <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua phương án tăng vốn Điều lệ của MSB từ 11.750.000.000.000 đồng (Mười một nghìn bảy trăm năm mươi tỷ đồng) lên 15.275.000.000.000 đồng (Mười lăm nghìn hai trăm bảy mươi lăm tỷ đồng) dưới hình thức phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận có thể sử dụng chia cổ tức năm 2020 sau khi đã trích lập đầy đủ các khoản, các quỹ theo quy định của pháp luật và lợi nhuận năm trước còn lại chưa chia. Tỷ lệ phát hành dự kiến tối đa 30% trên tổng số cổ phần đang lưu hành. Dự tính thực hiện trả cổ tức sau khi hoàn thành đợt bán Cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu và Người lao động MSB như đã được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông bất thường diễn ra ngày 25/9/2020 nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021. 2. Thông qua việc điều chỉnh nội dung của Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động và các giấy tờ pháp lý liên quan của MSB để đảm bảo với việc tăng vốn Điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá số lượng cổ phiếu thực tế phát hành. 3. Thông qua việc giao cho Hội đồng Quản trị thực hiện các nội dung công việc cần thiết liên quan đến nội dung tăng vốn sau khi được chấp thuận của Đại hội đồng Cổ đông bao gồm: <ol style="list-style-type: none"> a. Điều chỉnh Phương án tăng vốn Điều lệ theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan bao gồm nhưng không giới hạn việc thay đổi nội dung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động; b. Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, thời điểm và tiến độ phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, thời điểm đăng ký tại Trung tâm |
|--|--|--|

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <p>Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và niêm yết bổ sung toàn bộ số lượng cổ phiếu thực tế phát hành trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, đảm bảo lợi ích cổ đông và phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Triển khai thực hiện các công việc khác (nếu phát sinh) trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo đợt tăng vốn thành công;</p> <p>d. Điều chỉnh việc phân bổ nguồn vốn điều lệ tăng thêm từ việc phát hành cho các mục đích sử dụng vốn đã nêu tại Phương án đính kèm cho phù hợp với yêu cầu hoạt động của MSB tại từng thời kỳ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 theo nội dung tờ trình số 23/2021/TT-HĐQT; giao cho Hội đồng Quản trị quyết định cụ thể việc phân phối các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính, lợi nhuận để lại giữa MSB và các công ty trực thuộc. - Thông qua chỉ tiêu kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021 và giao/ủy quyền cho Hội đồng quản trị triển khai thực hiện bằng các giải pháp cụ thể, bao gồm cả việc điều chỉnh chỉ tiêu và ngân sách phù hợp với tình hình dịch bệnh Covid-19, theo diễn biến thị trường, chính sách kinh tế vĩ mô và quy định của Pháp luật theo nội dung Tờ trình số 22/2021/TT-HĐQT ngày 03/03/2021. - Thông qua việc giao cho Hội đồng Quản trị lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật theo nội dung Tờ trình số 18/2021/TT-HĐQT ngày 03/03/2021. - Thông qua mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo Tờ trình số 20/2021/TT-HĐQT ngày 03/03/2021. - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát MSB; giao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát tiếp tục hoàn thiện các dự thảo Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng Quản trị, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà |
|--|--|--|---|

| | | | |
|--|--|--|---|
| | | | <p>nước, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng Quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của MSB (bao gồm cả việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản) theo nội dung Tờ trình số 19/2021/TT-HĐQT ngày 03/03/2021. - Thông qua kế hoạch thay đổi tỷ lệ sở hữu nhà đầu tư nước ngoài theo nội dung Tờ trình số 30/2021/TT-HĐQT ngày 22/03/2021; giao và ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng Quản trị các công việc sau: <ul style="list-style-type: none"> a. Quyết định thời gian điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài để trở về giới hạn 30% theo đúng quy định pháp luật sau khi hoàn tất các thủ tục chào bán cổ phiếu quỹ ra công chúng và chào bán cổ phiếu quỹ theo chương trình lựa chọn cho người lao động như đã được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông bất thường ngày 25/9/2020; b. Quyết định nội dung hồ sơ, tài liệu và thực hiện các thủ tục cần thiết với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán, Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh để hoàn tất việc điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài; c. Tổ chức triển khai thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật; và d. Quyết định mọi vấn đề, thực hiện mọi thủ tục, công việc và tiến hành mọi bước cần thiết khác hoặc nên làm để thực hiện thành công việc phong tỏa và giới hạn tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài. |
|--|--|--|---|

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập Nhiệm kỳ VI (2018-2021) |
|-----|-----------------|---------|--|
| | | | |

| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---|---------------------------|---|---------------|-----------------|
| 1 | Ông Trần Anh Tuấn | Chủ tịch HĐQT/ thành viên không điều hành | 30/5/2018 | |
| 2 | Ông Nguyễn Hoàng An | Phó Chủ tịch HĐQT/ thành viên không điều hành | 30/5/2018 | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thiên Hương | Phó Chủ tịch HĐQT/ thành viên không điều hành | 30/5/2018 | |
| 4 | Ông Nguyễn Hoàng Linh | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 25/9/2020 | |
| 5 | Ông Trần Xuân Quảng | Thành viên HĐQT/ thành viên không điều hành | 30/5/2018 | |
| 6 | Bà Lê Thị Liên | Thành viên HĐQT độc lập/ thành viên không điều hành | 30/5/2018 | |

2. Các cuộc họp HĐQT

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|---------------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Trần Anh Tuấn | 03 | 100% | |
| 2 | Ông Nguyễn Hoàng An | 03 | 100% | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thiên Hương | 03 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Hoàng Linh | 03 | 100% | |
| 5 | Ông Trần Xuân Quảng | 03 | 100% | |
| 6 | Bà Lê Thị Liên | 03 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc (TGD)/Ban điều hành:

HĐQT giám sát hoạt động điều hành của TGD thông qua cơ chế phân công nhiệm vụ chi tiết, đánh giá hiệu quả định kỳ; tham gia các cuộc họp điều hành hàng tháng cùng Ban điều hành; sử dụng hệ thống kiểm toán nội bộ để thực hiện đánh giá chất lượng hoạt động cũng như bảo đảm sự tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của các đơn vị.

4. Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: theo phân công ủy quyền, các Ủy ban giúp việc cho HĐQT đã giải quyết các công việc trong 06 tháng đầu năm 2021 cụ thể như sau:

- Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR): trong 6 tháng đầu năm 2021, UBQLRR đã tổ chức 07 phiên họp (trong đó có 04 phiên trực tuyến để phù hợp với tình hình tại các thời điểm có dịch Covid19), và thông qua 02 đề xuất xin ý kiến qua email. Tại các phiên họp, Ủy

ban tập trung thảo luận các báo cáo/chuyên đề, đồng thời xem xét các đề xuất trình để tham mưu, khuyến nghị cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và thông qua các Báo cáo danh mục rủi ro định kỳ, cụ thể:

- ✓ Thảo luận 09 chuyên đề và báo cáo, trong đó có các chuyên đề/báo cáo quan trọng về Quản lý rủi ro như: Báo cáo Quản lý rủi ro theo các phương pháp nâng cao của chuẩn mực Basel (Phương pháp xếp hạng nội bộ cho Rủi ro tín dụng và các phương pháp nâng cao theo Basel III cho Rủi ro hoạt động, Rủi ro thị trường, Rủi ro thanh khoản); Triển khai đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn (ICAAP) năm 2021; Chuyên đề Quản lý dữ liệu; rà soát phân cấp thẩm quyền phê duyệt cho Khách hàng Định chế Tài chính.
 - ✓ Xem xét và khuyến nghị cho Hội đồng quản trị các nội dung như: các Mô hình xếp hạng tín dụng cho các Phân khúc khách hàng (Chủ doanh nghiệp, Khách hàng cá nhân có nguồn thu từ lương, Chủ doanh nghiệp (BO EB), Khách hàng trả lương qua MSB); Khung Quản lý rủi ro (QC.RR.008); Tuyên bố Khẩu vị rủi ro giai đoạn 2021-2023 và Tuyên bố Chiến lược quản lý rủi ro giai đoạn 2021-2023.
 - ✓ Xem xét và khuyến nghị về lĩnh vực quản lý rủi ro đối với Tổng Giám đốc trước khi Tổng Giám đốc phê duyệt và ban hành các quy định như: Quy định cấp tín dụng cho Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ; Quy định Tài sản bảo đảm cho việc cấp tín dụng; Mô hình phê duyệt trước cho Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ và giao thẩm quyền cho Đơn vị kinh doanh; và các Chương trình/sản phẩm vượt Quy định cấp tín dụng (Quy trình tăng hạn mức thế tín dụng tự động cho Khách hàng cá nhân, Chính sách tín dụng đối với việc tài trợ mua/chuyển nhượng Bất động sản dự án cho khách hàng cá nhân...).
 - ✓ Cập nhật Báo cáo danh mục rủi ro định kỳ hàng tháng trong 06 tháng đầu năm 2021: Ủy ban ghi nhận báo cáo và cập nhật tình hình hoạt động từ các khía cạnh rủi ro trọng yếu (tín dụng, hoạt động, thị trường, thanh khoản, Lãi suất số ngân hàng, an ninh thông tin), và theo dõi cập nhật tình hình thực hiện các chỉ tiêu so với các ngưỡng cảnh báo/giới hạn của Khẩu vị rủi ro.
- Ủy ban Chiến lược (UBCL): với vai trò tham mưu, khuyến nghị cho HĐQT về định hướng chiến lược, các hành động cần thực hiện để chuyển đổi chiến lược thành công, UBCL đã tiến hành 4 cuộc họp trong 6 tháng năm 2021 và thực hiện xin một số ý kiến qua mail với các nội dung cụ thể như sau:
- ✓ Đánh giá, rà soát cơ cấu tổ chức bộ máy MSB năm 2020 và đề xuất các thay đổi phù hợp với định hướng chiến lược của MSB.
 - ✓ Báo cáo kết quả triển khai dự án định vị chân dung khách hàng (CVP) và cập nhật hoạt động chiến lược tại Văn phòng chuyển đổi (CMO): Cập nhật tiến độ triển khai các sáng kiến chiến lược đang triển khai và bổ sung các dự án mà Ngân hàng chuyên doanh cần triển khai tại CMO.
 - ✓ Thiết lập nhà máy số Digital Factory: Hoàn thành giai đoạn thiết kế thuộc lộ trình chuyển đổi số đã được HĐQT phê duyệt. Đàm phán và lựa chọn đối tác BCG triển khai số hóa ngân hàng.
 - ✓ Báo cáo các chỉ tiêu chiến lược trọng yếu theo phân khúc của Ngân hàng Bán lẻ & Ngân hàng Doanh nghiệp: Khởi Chiến lược thực hiện báo cáo các chỉ tiêu trọng yếu

theo thẻ điểm cân bằng (Căn cứ theo Quy chế Hoạch định & Quản trị Chiến lược MSB).

- ✓ Báo cáo tái cơ cấu Khối Quản lý rủi ro theo mô hình chuyên môn hóa tín chấp và thẻ chấp, tăng cường công tác kiểm soát rủi ro thông qua công tác quản lý thu hồi nợ được thiết kế xuyên suốt theo hành trình của từng sản phẩm và khách hàng mục tiêu.
- ✓ UBCL cũng đồng ý với chủ trương hợp tác với Công ty TNEX, mục tiêu tiếp tục phát triển khách hàng qua kênh số với chi phí thấp nhưng hiệu quả cao.

Sau các buổi họp, các đơn vị được yêu cầu cập nhật báo cáo kết quả thực hiện các chỉ đạo của UBCL định kỳ hàng tháng thông qua thư ký HĐQT.

Các thành viên UBCL luôn đưa ra các ý kiến đánh giá, góp ý chuyên sâu, hỗ trợ tối đa cho các Ngân hàng chuyên doanh và các dự án chiến lược. Khối Chiến lược với vai trò là thư ký UBCL luôn theo dõi, rà soát các hành động thực hiện của các đơn vị, đảm bảo các chỉ đạo của Chủ tịch UBCL được thực hiện chính xác và đúng tiến độ đã cam kết.

▪ Ủy ban Nhân sự (UBNS):

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Ủy ban Nhân sự đã thụ lý giải quyết hơn 70 hồ sơ và tham mưu cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT trong các vấn đề về bộ máy tổ chức, chế độ chính sách nhân sự bảo đảm tuân thủ pháp luật, tối ưu nguồn lực cho tổ chức; thực hiện các thủ tục nhân sự liên quan đến các vị trí cán bộ quản lý và chức danh luật định thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các nội dung công việc khác do Chủ tịch HĐQT giao phó.

▪ Ủy ban Công nghệ (UBCN):

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Ủy ban Công nghệ đã tổ chức 1 phiên họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT. Tại phiên họp, Ủy ban tập trung thảo luận và tham mưu cho HĐQT, Chủ tịch HĐQT về việc lựa chọn đối tác triển khai dự án thay mới hệ thống Core Banking cho MSB và thông qua kế hoạch ngân sách đầu tư công nghệ năm 2021.

5. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

Trong 06 tháng đầu năm 2021, HĐQT đã ban hành 49 Nghị quyết. Chi tiết được thống kê ở Phụ lục 01 đính kèm.

III. Ban kiểm soát

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

| S T T | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS Nhiệm kỳ VI (2018-2021) | | Trình độ chuyên môn |
|-------------|-------------------|---------|--|-----------------|--|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | |
| 1 | Bà Phạm Thị Thành | T. BKS | 30/5/2018 | Không có | Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Học viện Ngân hàng; Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng |

| | | | | | |
|---|----------------|--------|-----------|----------|---|
| | | | | | (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân) |
| 2 | Bà Lê Thanh Hà | TV BKS | 30/5/2018 | Không có | Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Trường Cao đẳng Ngân hàng; Cử nhân chuyên ngành Tin dụng tại Học viện Ngân hàng; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Đại học Grigg USA |
| 3 | Bà Chu Thị Đàm | TV BKS | 30/5/2018 | Không có | Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính-Tín dụng (Học viện Ngân hàng); Thạc sỹ Kinh tế-tài chính-ngân hàng - (Học viện Tài chính) |

2. Cuộc họp của Ban kiểm soát

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp BKS | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------|-----------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Phạm Thị Thành | 02 | 100% | 100% | |
| 2 | Lê Thanh Hà | 02 | 100% | 100% | |
| 3 | Chu Thị Đàm | 02 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông

- Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) trong quản trị điều hành ngân hàng.
- Thông báo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc những vấn đề phát hiện được và tư vấn biện pháp khắc phục tồn tại, những vấn đề có liên quan khác nhằm đảm bảo hoạt động MSB phát triển an toàn và hiệu quả.
- Giám sát việc chỉ đạo, điều hành của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong quá trình thực hiện phương án tái cơ cấu lại.
- Kiểm tra, giám sát về các vấn đề liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Kiểm tra số kế toán, các tài liệu khác và công tác quản lý, điều hành hoạt động khi thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn hoặc chủ sở hữu hoặc thành viên góp vốn.
- Phối hợp với Khối Quản lý Tài chính làm việc với kiểm toán độc lập.
- Chỉ đạo, giám sát Trung tâm Kiểm toán nội bộ thực hiện kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2021.
- Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020 và báo cáo tài chính bán niên năm 2021.
- Thực hiện các công việc khác theo quy định.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác: phối hợp theo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị, mã số QC.BM.006 ngày 23/4/2021.

IV. Ban điều hành

| STT | Thành viên Ban điều hành | Chức danh | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm thành viên Ban điều hành |
|-----|--------------------------|--|---------------------|-------------------------------|--|
| 1 | Ông Nguyễn Hoàng Linh | Thành viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc MSB | 08/04/1977 | Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh | 23/03/2020 |
| 2 | Ông Nguyễn Thế Minh | Phó Tổng Giám đốc - Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp | 11/03/1975 | Thạc sỹ Tài chính ngân hàng | 01/01/2019 |
| 3 | Bà Nguyễn Hương Loan | Phó Tổng Giám đốc - Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính | 25/03/1973 | Thạc sĩ Quản trị Doanh nghiệp | 01/06/2009 |
| 4 | Ông Oliver Schwarzhaupt | Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro | 15/12/1967 | Thạc sỹ Kinh tế | 05/08/2019 |

V. Kế toán trưởng

| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm |
|------------------|---------------------|---------------------|---------------------------|
| Phùng Thùy Nhung | 14/09/1985 | Cử nhân kinh tế | 01/02/2021 |

VI. Đào tạo về quản trị

Việc bồi dưỡng phát triển nhân sự tài năng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý điều hành của Ngân hàng luôn là trọng tâm trong chiến lược nhân sự của MSB. Trong năm 2020 và đầu năm 2021, Ngân hàng đã triển khai thành công chương trình Talent Pool với ba phân khúc nhân tài, vừa để xây dựng nguồn lực kế thừa, vừa để kiến tạo lực lượng xung kích trực tiếp tham gia vào các dự án trọng điểm và các mảng hoạt động cốt lõi của ngân hàng. Tiếp nối thành công của

chương trình này, trong năm 2021, MSB tiếp tục xây dựng và triển khai chương trình đào tạo M.Leader - Nâng tầm lãnh đạo nhằm phát triển đội ngũ cán bộ quản lý có đủ tiêu chuẩn năng lực, cốt lõi nhân, có khát vọng vươn tầm sự nghiệp và làm chủ chiến lược phát triển bền vững của MSB. Ngoài ra, Ngân hàng cũng lên kế hoạch và tổ chức các buổi trao đổi, thảo luận, có sự tham gia của các khách mời là những chuyên gia trong ngành để cập nhật, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về quản trị công ty và các xu hướng mới trên thị trường.

VII. Danh sách về người có liên quan của MSB và giao dịch của người có liên quan của MSB với chính MSB

1. Danh sách về người có liên quan của MSB (theo Phụ lục 02 đính kèm).
2. Giao dịch giữa MSB với người có liên quan của MSB (theo Phụ lục 03 đính kèm).

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ (theo Phụ lục 04 đính kèm).
2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của MSB (theo Phụ lục 05 đính kèm).

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

TUQ. CHỦ TỊCH HĐQT ^{ML}
THÀNH VIÊN HĐQT



LE THỊ LIÊN

Phụ lục 01: Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị 06 tháng đầu năm 2021

| STT | Số NQ | Ngày tháng | Nội dung |
|-----|-------|------------|--|
| 1. | 19.24 | 14/1/2021 | Thay đổi thời hạn chốt danh sách cổ đông để chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu |
| 2. | 19.25 | 14/1/2021 | Phê duyệt nhân sự dự kiến bổ nhiệm TV HĐQT công ty tài chính TNHH MTV Cộng đồng trình NHNN chấp thuận |
| 3. | 19.26 | 15/1/2021 | Phê duyệt kế hoạch tài chính năm 2021 |
| 4. | 19.27 | 22/1/2021 | Phê duyệt kết quả xây dựng các mô hình xếp hạng cho Khách hàng cá nhân có nguồn thu chính từ kinh doanh (BO) và kết quả nâng cấp mô hình xếp hạng tín dụng cho Khách hàng cá nhân có nguồn thu chính từ lương (SB) |
| 5. | 19.28 | 27/1/2021 | Phân cấp thẩm quyền phê duyệt lựa chọn đối tác để hợp tác phân phối sản phẩm bảo hiểm tại MSB |
| 6. | 20.01 | 27/1/2021 | Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông MSB thường niên năm 2021 |
| 7. | 20.02 | 28/1/2021 | Cho vay đặc biệt (Giải ngân đợt 6) đối với Quỹ TDND Quảng Tiến |
| 8. | 20.03 | 1/2/2021 | Chuyển địa điểm đặt trụ sở và đổi tên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Thụy Khuê |
| 9. | 20.04 | 18/2/2021 | Chuyển địa điểm đặt trụ sở Ngân hàng TMCP hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh |
| 10. | 20.05 | 2/3/2021 | Phê duyệt kết quả lựa chọn đối tác bảo hiểm nhân thọ độc quyền tại MSB |
| 11. | 20.06 | 9/3/2021 | Phân phối lại số CPQ không chào bán hết trong đợt chào bán cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu |
| 12. | 20.07 | 12/3/2021 | Phê duyệt bán tài sản nhận gán nợ là tàu biển |
| 13. | 20.08 | 15/3/2021 | Chuyển địa điểm đặt trụ sở và đổi tên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình - Phòng giao dịch Lạc Long Quân |
| 14. | 20.09 | 17/3/2021 | Tập trung Kế toán chi tiêu và Hậu kiểm Kế toán chi tiêu tại Hà Nội |
| 15. | 20.10 | 17/3/2021 | Chuyển địa điểm đặt trụ sở và đổi tên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch - Phòng giao dịch Minh Khai |
| 16. | 20.11 | 19/3/2021 | Thành lập Ban Dự án Hiện đại hóa hệ thống Core Banking MSB |



| | | | |
|-----|----------|-----------|--|
| 17. | 20.12 | 23/3/2021 | Điều chỉnh chức năng nhiệm vụ các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Khối Vận hành |
| 18. | 20.13 | 25/3/2021 | Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Công nghệ |
| 19. | 20.14 | 25/3/2021 | Ban hành Quy chế Khung Quản lý rủi ro (mã số: QC.RR.008 - Lần 8) |
| 20. | 20.15 | 26/3/2021 | Phê duyệt hạn mức tín dụng tối đa dành cho các chức danh cán bộ nhân viên tham gia công tác thẩm định/phê duyệt tín dụng |
| 21. | 21.01 | 9/4/2021 | Thông qua chủ trương thay đổi một số nội dung trong cơ cấu tổ chức bộ máy MSB |
| 22. | 21.02 | 9/4/2021 | Triển khai chiến dịch truyền thông thương hiệu nhân dịp sinh nhật 30 năm của MSB |
| 23. | 21.03 | 9/4/2021 | Phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp và triển khai gói thầu "Đầu tư mua sắm máy rút tiền tự động (ATM) & Triển khai hệ thống quản lý quản lý giám sát ATM tập trung" và thanh lý các máy ATM cũ |
| 24. | 21.04 | 14/4/2021 | Ban hành Quy chế Quản lý cổ đông (mã số: QC.QT.002 - Lần 1) |
| 25. | 22.01 | 28/4/2021 | Phê duyệt thực hiện thanh lý tài sản tại Trung tâm dữ liệu dự phòng |
| 26. | 22.02 | 29/4/2021 | Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ quý 2 năm 2021 của MSB |
| 27. | 22.03 | 5/5/2021 | Ban hành Quy chế Hoạch định và Quản trị Chiến lược MSB (mã số: QC.CL.007 - Lần 1) |
| 28. | 22.04 | 6/5/2021 | Gia hạn khoản vay đặc biệt theo Hợp đồng cho vay đặc biệt số 130519/HĐCV ký ngày 13/05/2019 đối với QTDND Quảng Tiến |
| 29. | 22.05 | 11/5/2021 | Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy |
| 30. | 22.06 | 11/5/2021 | Phê duyệt bổ sung ngân sách và đầu tư Văn phòng dự án "Digital & Advanced analytics Factory" và Core Banking" |
| 31. | 22.07 | 20/5/2021 | Thông qua và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2021 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 28A/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 9 năm 2020 |
| 32. | 22.07.01 | 14/5/2021 | Điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy |

| | | | |
|-----|----------|-----------|---|
| 33. | 22.08 | 20/5/2021 | Chuyển địa điểm đặt trụ sở MSB Chi nhánh Phù Thọ - PGD Lâm Thao |
| 34. | 22.09 | 20/5/2021 | Ban hành Tuyên bố Khẩu vj rủi ro giai đoạn 2021-2023 |
| 35. | 22.1 0 | 20/5/2021 | Ban hành Tuyên bố Chiến lược Quản lý rủi ro giai đoạn 2021-2023 |
| 36. | 22.1 1 | 20/5/2021 | Phê duyệt kế hoạch thực hiện hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR) trong dịp sinh nhật MSB 30 năm |
| 37. | 22.1 2 | 21/5/2021 | Thông qua Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu hộ qua tài khoản định danh giữa MSB và FCCOM |
| 38. | 22.1 3 | 25/5/2021 | Thông qua Hợp đồng hợp tác phát hành thẻ liên kết giữa MSB và FCCOM |
| 39. | 22.1 4 | 31/5/2021 | Phê duyệt ngân sách đầu tư công nghệ ngân hàng năm 2021 |
| 40. | 22.1 5 | 1/6/2021 | Phê duyệt thuê đối tác tư vấn chuyển đổi số cho MSB (Giai đoạn 2 - giai đoạn triển khai) |
| 41. | 22.1 6 | 2/6/2021 | Ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ủy ban Chiến lược (mã số: QC.CL.003 - Lần 4) |
| 42. | 22.16.01 | 04/6/2021 | Phê duyệt kinh phí tài trợ cho Quỹ Vắc-xin phòng COVID-19 |
| 43. | 22.1 7 | 7/6/2021 | Chủ trương hợp tác với Công ty TNEX |
| 44. | 22.1 8 | 7/6/2021 | Chuyển giao Hợp đồng cung cấp dịch vụ với Mambu |
| 45. | 22.1 9 | 8/6/2021 | Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động |
| 46. | 22.2 0 | 11/6/2021 | Phê duyệt kết quả xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng cho khách hàng chủ doanh nghiệp dựa trên thông tin chủ doanh nghiệp và thông tin của doanh nghiệp (BO EB); Kết quả đánh giá mô hình xếp hạng tín dụng cho khách hàng trả lương qua MSB |
| 47. | 22.2 1 | 17/6/2021 | Thông qua Hợp đồng thuê văn phòng giữa MSB và AMC |
| 48. | 22.2 2 | 23/6/2021 | Phê duyệt nhân sự dự kiến bổ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng trình NHNN chấp thuận |

PHỤ LỤC 03
Giao dịch giữa MSB với người có liên quan của MSB

| Sr | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT | Nội dung, số lượng, tổng giao dịch | Ghi chú |
|-----|---|-----------------------------------|-------------|----------|---------|---------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|--|---------|
| 1 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN (Maritime Bank AMC) | Công ty con | | | | | từ 01/6/2021 đến 31/5/2024 | 22.24/2021/NQ-HĐQT ngày 17/6/2021 | Hợp đồng thuê văn phòng giữa MSB và AMC | |
| 2 | Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (FCCOM) | Công ty con | | | | | từ ngày 21/05/2021 | 22.12/2021/NQ-HĐQT ngày 21/5/2021 | Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu hộ qua tài khoản định danh giữa MSB và FCCOM | |
| 2.1 | Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng (FCCOM) | Công ty con | | | | | 03 năm kể từ ngày 26/5/2021 | 22.13.2021/NQ-HĐQT ngày 25/5/2021 | Hợp đồng hợp tác phát hành thẻ liên kết giữa MSB và FCCOM | |

PHỤ LỤC 04
Danh sách người sở hữu và người có liên quan của người nội bộ

| Số | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại MSB (nếu có) | Số Giấy NSH | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Số cổ phiếu sở hữu cổ tức | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ | Chức vụ |
|------|---|--|--------------------------|-------------|----------|---------|---------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------|
| 1 | Trần Anh Tuấn | | Chủ tịch HĐQT | | | | | 2,080,466 | 0,2 | Chủ tịch HĐQT |
| 1.01 | Trần Hữu Kiên | | | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 1.02 | Nguyễn Thị Hòa | | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 1.03 | Nguyễn Lăng Lợi | | | | | | | 0 | 0,0 | Bố vợ |
| 1.04 | Trần Thị Bích | | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ vợ |
| 1.05 | Nguyễn Thị Nguyệt Hương | | | | | | | 0 | 0,0 | Vợ |
| 1.06 | Trần Anh Quang | | | | | | | 0 | 0,0 | Con đẻ |
| 1.07 | Đỗ Xuân Linh | | | | | | | 0 | 0,0 | Con đẻ |
| 1.08 | Trần Anh Đức | | | | | | | 1,613 | 0,0 | Con đẻ |
| 1.09 | Trần Phi Hùng | | | | | | | 0 | 0,0 | Anh trai |
| 1.10 | Nguyễn Thị Chung Thủy | | | | | | | 0 | 0,0 | Chị dâu |
| 1.11 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN (Maritime Bank AMC) | | Công ty con | | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 1.12 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (POCOM) | | Công ty con | | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 2 | Nguyễn Hoàng An | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | | | 32,490 | 0,0 | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 2.01 | Nguyễn Văn Thuận | | | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 2.02 | Nguyễn Kim Phụng | | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 2.03 | Phạm Thái | | | | | | | 0 | 0,0 | Bố vợ |
| 2.04 | Dương Thị Mỹ | | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ vợ |
| 2.05 | Phạm Tài Hà Thủy | | | | | | | 34,932 | 0,0 | Vợ |
| 2.06 | Nguyễn Hoàng Hiệp | | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 2.07 | Nguyễn Hoàng Nghĩa | | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 2.08 | Nguyễn Thị Hoàng Anh | | | | | | | 0 | 0,0 | Con đẻ |
| 2.09 | Nguyễn Hoàng Anh | | | | | | | 0 | 0,0 | Anh trai |
| 2.10 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | | | | | | | 0 | 0,0 | Chị gái |
| 2.11 | Nguyễn Hoàng Giang | | | | | | | 0 | 0,0 | Em trai |
| 2.12 | Nguyễn Thị Thu Thủy | | | | | | | 0 | 0,0 | Em gái |

| | | | | | | | | | |
|------|---|--|-------------------|--|--|--|-------|-----|---------------------|
| 2.13 | Phạm Thống Nhất | | | | | | 0 | 0,0 | Anh rể |
| 2.14 | Nguyễn Tiên Sang | | | | | | 3,456 | 0,0 | Em rể |
| 2.15 | Nguyễn Thị Hòa | | | | | | 0 | 0,0 | Chị dâu |
| 2.16 | Lê Thị Bích Liên | | | | | | 30 | 0,0 | Em dâu |
| 2.17 | Công ty TNHH Quản lý Ngõ và Khai thác tài sản Ngân hàng | | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 2.18 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (FCCOM) | | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 3 | Nguyễn Đại Thuận Hương | | Phó Chủ tịch HĐQT | | | | 0 | 0,0 | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3.01 | Nguyễn Văn Tuấn | | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 3.02 | Tạ Đình An | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 3.03 | Trần Trọng Tiến | | | | | | 0 | 0,0 | Chồng |
| 3.04 | Trần Trọng Anh Kiều | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 3.05 | Patricia Jeeyun Kang | | | | | | 0 | 0,0 | Con dâu |
| 3.06 | Trần Trọng Anh Minh | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 3.07 | Nguyễn Quốc Gian | | | | | | 0 | 0,0 | Em trai |
| 3.08 | Nguyễn Thị Kim Liên | | | | | | 0 | 0,0 | Em dâu |
| 3.09 | Công ty TNHH Quản lý Ngõ và Khai thác tài sản Ngân hàng | | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 3.1 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (FCCOM) | | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 4 | Trần Xuân Quảng | | Thành viên HĐQT | | | | 0 | 0,0 | Thành viên HĐQT |
| 4.01 | Trần Xuân Vĩnh | | | | | | 0 | 0,0 | Bà đẻ |
| 4.02 | Nguyễn Thị Như | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 4.03 | Kiều Ngọc Minh | | | | | | 0 | 0,0 | Bố vợ |
| 4.04 | Phan Thị Lan | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ vợ |
| 4.05 | Kiều Thị Cẩm Ninh | | | | | | 0 | 0,0 | Vợ |
| 4.06 | Trần Xuân Kiêu Dũng | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 4.07 | Tấn Kiên Trung | | | | | | 0 | 0,0 | Con gái |
| 4.08 | Trần Nam Thắng | | | | | | 0 | 0,0 | Em trai |
| 4.09 | Bồ Phương Thảo | | | | | | 0 | 0,0 | Em dâu |
| 4.1 | Công ty TNHH Quản lý Ngõ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN (Maritime) | | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 4.11 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (FCCOM) | | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |

| | | | | | | | | |
|------|--|--|------------------------------------|--|--|----------|------|--------------------------------------|
| 4.12 | Công ty Cổ phần Đầu tư TNG Holdings Việt Nam | | | | | 0 | 0,0 | Ông Trần Xuân Quảng là Tổng Giám đốc |
| 4.13 | Công ty Cổ phần FamilyMart Việt Nam | | | | | 0 | 0,0 | Ông Trần Xuân Quảng là CT HĐQT |
| 4.14 | Công ty Cổ phần dịch vụ và nền tảng tài chính kỹ thuật số TNEK | | | | | 0 | 0,0 | Ông Trần Xuân Quảng là CT HĐQT |
| 5 | Lê Thị Liên | | Thành viên HĐQT độc lập | | | 280,360 | 0,0 | Thành viên HĐQT độc lập |
| 5.01 | Lê Quang Duyên | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 5.02 | Nguyễn Thị Vỹ | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 5.03 | Phạm Văn Ngọc | | | | | 0 | 0,0 | Chồng |
| 5.04 | Phạm Lê Việt Anh | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 5.05 | Phạm Lê Việt Hưng | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 5.06 | Trần Thị Thanh Tân | | | | | 0 | 0,0 | Con dâu |
| 5.07 | Lê Thị Vỹ | | | | | 0 | 0,0 | Chị gái |
| 5.08 | Trần Xuân Thu | | | | | 0 | 0,0 | Anh rể |
| 5.09 | Lê Xuân Thủy | | | | | 0 | 0,0 | Anh trai |
| 5.1 | Nguyễn Thị Minh | | | | | 0 | 0,0 | Chị dâu |
| 5.11 | Lê Thị Sơn | | | | | 0 | 0,0 | Chị gái |
| 5.12 | Lê Quang Hà | | | | | 0 | 0,0 | Anh trai |
| 5.13 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | | | | | 0 | 0,0 | Chị dâu |
| 5.14 | Lê Quang Thành | | | | | 0 | 0,0 | Anh trai |
| 5.15 | Nguyễn Thị Ngọc | | | | | 0 | 0,0 | Chị dâu |
| 5.16 | Công ty TNHH Quản lý Nhà và Khách sạn tài sản Ngân hàng | | Công ty con | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 5.17 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (PCCDM) | | Công ty con | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 5.18 | Công ty Cổ phần Đầu tư và Cho thuê tài sản TNL | | | | | 66208055 | 4,7% | Bà Lê Thị Liên là CT HĐQT |
| 6 | Nguyễn Hoàng Linh | | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | | | 0 | 0,0 | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 6.01 | Nguyễn Hoàng Nhân | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 6.02 | Phạm Thị Nga | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 6.03 | Đỗ Văn Phúc | | | | | 0 | 0,0 | Bố vợ |
| 6.04 | Nguyễn Thị Chín | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ vợ |
| 6.05 | Đỗ Thị Văn Chín | | | | | 0 | 0,0 | Vợ |



| | | | | | | | | |
|------|---|-----------------------------|--|--|--|---------------|------------|---|
| 6.08 | Nguyễn Hoàng Nhật Nam | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 6.07 | Nguyễn Hoàng Lâm | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 6.06 | Nguyễn Thị Hoài Trang | | | | | 0 | 0,0 | Em gái |
| 6.05 | Đinh Tuấn Minh | | | | | 0 | 0,0 | Em rể |
| 6.1 | Nguyễn Hoàng Long | | | | | 0 | 0,0 | Anh trai |
| 6.11 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN (Maritime Bank AMC) | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 6.12 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (PCCOM) | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB/ ông Nguyễn Hoàng Linh là TV HĐQT |
| 7 | Phạm Thị Thành | Trưởng Ban Kiểm soát | | | | 21,604 | 8,0 | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 7.01 | Phạm Lập | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 7.02 | Nguyễn Thị Xuyên | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 7.03 | Phạm Quý Bô | | | | | 0 | 0,0 | Bố chồng |
| 7.04 | Nguyễn Thị Ngọc | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ chồng |
| 7.05 | Phạm Quý Thái | | | | | 0 | 0,0 | Chồng |
| 7.06 | Phạm Quang Thành | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 7.07 | Phạm Thị Thanh Hoa | | | | | 0 | 0,0 | Con gái |
| 7.08 | Như Bá Nhật | | | | | 0 | 0,0 | Con rể |
| 7.09 | Phạm Hồng Minh | | | | | 0 | 0,0 | Anh trai |
| 7.10 | Phạm Thị Chiêu Thảo | | | | | 0 | 0,0 | Chị gái |
| 7.11 | Nguyễn Văn Tuấn | | | | | 0 | 0,0 | Anh rể |
| 7.12 | Phạm Xuân Hằng | | | | | 0 | 0,0 | Em trai |
| 7.13 | Đỗ Thị Phương Hoa | | | | | 0 | 0,0 | Em dâu |
| 7.14 | Phạm Mỹ Thu | | | | | 0 | 0,0 | Em gái |
| 7.15 | Nguyễn Văn Bình | | | | | 0 | 0,0 | Em rể |
| 7.16 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 7.17 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (PCCOM) | Công ty con | | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 8 | Chu Thị Đóm | Thành viên BKS | | | | 0 | | Thành viên BKS |
| 8.01 | Chu Danh Hải | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 8.02 | Nguyễn Thị NHA | | | | | 0 | | Mẹ đẻ |
| 8.03 | Nguyễn Tuấn Thành | | | | | 0 | | Bố chồng |
| 8.04 | Nguyễn Thị Trinh | | | | | 0 | | Mẹ chồng |
| 8.05 | Nguyễn Tiến Khánh | | | | | 0 | | Cháu |

| | | | | | | | | |
|-------|---|--|-------------------|--|--|--------|-----|---------------------|
| 8.06 | Nguyễn Phương Linh | | | | | 0 | | Con gái |
| 8.07 | Nguyễn Tiên Quốc An | | | | | 0 | | Con trai |
| 8.08 | Chu Danh Cách | | | | | 0 | | Anh trai |
| 8.09 | Chu Danh Hội | | | | | 0 | | Anh trai |
| 8.10 | Chu Thị Liễu | | | | | 0 | | Chị gái |
| 8.11 | Chu Danh Cường | | | | | 0 | | Anh trai |
| 8.12 | Chu Thị Uyên | | | | | 0 | | Chị gái |
| 8.13 | Chu Thị Nguyễn | | | | | 0 | | Chị gái |
| 8.14 | Phạm Quang Mùi | | | | | 0 | | Anh rể |
| 8.15 | Nguyễn Đức Thịnh | | | | | 0 | | Anh rể |
| 8.16 | Nguyễn Văn Đông | | | | | 0 | | Anh rể |
| 8.17 | Nguyễn Hương Giang | | | | | 0 | | Chị dâu |
| 8.18 | Nguyễn Thị Hương | | | | | 0 | | Chị dâu |
| 8.19 | Nguyễn Thị Liên | | | | | 0 | | Chị dâu |
| 8.2 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN (Maritime Bank AMC) | | Công ty con | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 8.21 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (PCCDM) | | Công ty con | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 9 | Lê Thanh Hà | | Thành viên BKS | | | 21,205 | 0,0 | Thành viên BKS |
| 9.01 | Lê Minh Chuyển | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 9.02 | Nguyễn Thị Lai | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 9.03 | Vũ Công Tâm | | | | | 0 | 0,0 | Bố chồng |
| 9.04 | Trịnh Quỳnh Như | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ chồng |
| 9.05 | Vũ Thanh Sơn | | | | | 0 | 0,0 | Chồng |
| 9.06 | Vũ Đức Hải | | | | | 1,300 | 0,0 | Con trai |
| 9.07 | Vũ Đào Lâm | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 9.08 | Lê Thị Thanh Huyền | | | | | 21,358 | 0,0 | Em gái |
| 9.09 | Lê Thị Thanh Hương | | | | | 0 | 0,0 | Em gái |
| 9.10 | Đỗ Ngọc Cường | | | | | 0 | 0,0 | Em rể |
| 9.11 | Vũ Tiên Hùng | | | | | 0 | 0,0 | Em rể |
| 9.12 | Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN (Maritime Bank AMC) | | Công ty con | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 9.13 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (PCCDM) | | Công ty con | | | 0 | 0,0 | Công ty con của MSB |
| 10 | Nguyễn Hương Loan | | Phó Tổng Giám đốc | | | 0 | 0,0 | Phó Tổng Giám đốc |
| 10.01 | Nguyễn Hữu Quý | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 10.02 | Nguyễn Thị Bạch Ngọc | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 10.03 | Dương Đức Thịnh | | | | | 0 | 0,0 | Bố chồng |
| 10.04 | Ngô Tô Anh | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ chồng |
| 10.05 | Dương Anh Đức | | | | | 0 | 0,0 | Chồng |
| 10.06 | Dương Nguyễn Minh Châu | | | | | 0 | 0,0 | con đẻ |
| 10.07 | Dương Nguyễn Minh Hạnh | | | | | 0 | 0,0 | con đẻ |
| 10.08 | Dương Nguyễn Minh Khôi | | | | | 0 | 0,0 | Con đẻ |
| 10.09 | Nguyễn Anh Kim | | | | | 0 | 0,0 | Chị gái |

| | | | | | | | | | | |
|-------|--|--|-------------------|--|--|--|--|-------|--------|---------------------------------|
| 10.10 | Lê Việt Dũng | | | | | | | 0,0,0 | Anh rể | |
| 10.11 | Nguyễn Bích Phương | | | | | | | 0,0,0 | Em gái | |
| 10.12 | Nguyễn Quốc Hoàn | | | | | | | 0,0,0 | Em rể | |
| 10.14 | Công ty Tài chính TNHH MTV Công đồng (PCCOM) | | Công ty son | | | | | 0 | 0,0 | Bà Nguyễn Hương Loan là TV HSTV |
| 11 | Nguyễn Thế Minh | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | 0 | 0,0 | Phó Tổng Giám đốc |
| 11.01 | Nguyễn Đình Tĩnh | | | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 11.02 | Hồng Thị Trish | | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 11.03 | Nguyễn Đức Liêm | | | | | | | 0 | 0,0 | Bố vợ |
| 11.04 | Nguyễn Thị Nghiễm | | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ vợ |
| 11.05 | Nguyễn Thu Trang | | | | | | | 0 | 0,0 | Vợ |
| 11.06 | Nguyễn Minh Nam | | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 11.07 | Nguyễn Minh Nhật | | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 11.08 | Nguyễn Nhật Minh | | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 11.09 | Nguyễn Minh An | | | | | | | 0 | 0,0 | Con gái |
| 11.10 | Nguyễn Thị Thùy | | | | | | | 0 | 0,0 | Chị gái |
| 11.11 | Nguyễn Thanh Trang | | | | | | | 0 | 0,0 | Anh trai |
| 11.12 | Nguyễn Minh Đức | | | | | | | 0 | 0,0 | Em trai |
| 11.13 | Nguyễn Hải Yến | | | | | | | 0 | 0,0 | Em gái |
| 11.14 | Dũng Thị Hải Ninh | | | | | | | 0 | 0,0 | Em dâu |
| 11.15 | Đỗ Quốc An | | | | | | | 0 | 0,0 | Em rể |
| 11.16 | Phạm Thị Hồng | | | | | | | 0 | 0,0 | Chị dâu |
| 12 | Oliver Schwarzhaupt | | Phó Tổng Giám đốc | | | | | 0 | 0,0 | Phó Tổng Giám đốc |
| 12.01 | Wolfgang Schwarzhaupt | | | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 12.02 | Karin Schwarzhaupt | | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 12.03 | Auro-Sophie Schwarzhaupt | | | | | | | 0 | 0,0 | Con gái |
| 13 | Phùng Thùy Nhung | | Kế Toán trưởng | | | | | 0 | 0,0 | Kế Toán trưởng |
| 13.01 | Phạm Hoàng Dương | | | | | | | 0 | 0,0 | Con rể |
| 13.02 | Phạm Hoàng An | | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 13.03 | Phạm Hoàng Hưng | | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |

| | | | | | | | | | |
|-------|------------------------|--|---|--|--|--|---|-----|--------------------------|
| 13.04 | Phùng Huy Minh | | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 13.05 | Lê Hải Hà | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 13.06 | Phùng Huy Tấn | | | | | | 0 | 0,0 | Em trai |
| 13.07 | Nguyễn Thị Phương Thảo | | | | | | 0 | 0,0 | Em dâu |
| 13.08 | Phạm Văn Phương | | | | | | 0 | 0,0 | Bố chồng |
| 13.09 | Hành Thị Thu Thủy | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ chồng |
| 14 | Đặng Thị Hoài Thư | | Chánh Văn phòng HĐQT- Người phụ trách quản trị | | | | 0 | 0,0 | Người phụ trách quản trị |
| 14.01 | Đặng Văn Phòng | | | | | | 0 | 0,0 | Bố đẻ |
| 14.02 | Trần Thị Đoàn Trang | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ đẻ |
| 14.03 | Cao Đức Thắng | | | | | | 0 | 0,0 | Bố chồng |
| 14.04 | Đinh Thị Xuân | | | | | | 0 | 0,0 | Mẹ chồng |
| 14.05 | Cao Bá Lâm | | | | | | 0 | 0,0 | Chồng |
| 14.06 | Cao Đình Lâm Anh | | | | | | 0 | 0,0 | Con trai |
| 14.07 | Cao Đình Thu Anh | | | | | | 0 | 0,0 | Con gái |
| 14.08 | Đặng Thị Thu Hồng | | | | | | 0 | 0,0 | Em gái |
| 14.09 | Trần Anh Tuấn | | | | | | 0 | 0,0 | Em rể |

Phụ lục 05: Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của MSB

| S T T | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-------------|--|--|------------------------------|-------|-------------------------------|----------|--|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Phạm Lê Việt Hưng | Con trai của Thành viên HĐQT độc lập | 0 | 0 | 0 | 0 | Mua, bán (*) |
| 2 | Nguyễn Tiến Sang | Em rể của Phó Chủ tịch HĐQT | 0 | 0 | 3456 | 0,00 | Mua, bán |
| 3 | Phạm Thị Hà Thủy | Vợ của Phó Chủ tịch HĐQT | 30130 | 0,00 | 34932 | 0,00 | Mua |
| 4 | Trần Anh Tuấn | Chủ tịch HĐQT | 1932023 | 0,16 | 2080406 | 0,17 | Mua |
| 5 | Nguyễn Hoàng An | Phó Chủ tịch HĐQT | 32400 | 0,00 | 32400 | 0,00 | Bán (**) |
| 6 | Lê Thị Liên | Thành viên HĐQT độc lập | 280300 | 0,02 | 280300 | 0,02 | Bán (**) |
| 7 | Trần Phi Hạnh | Anh trai Chủ tịch HĐQT | 5464888 | 0,46 | 0 | 0 | Mua, bán |
| 8 | Công đoàn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam | | 150603 | 0,12 | 162169 | 0,01 | Mua |

(*) Mua bán trong kỳ

(**) Bán quyền mua